CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Công nghiệp Gốm Sứ Taicera

Ngày 30/09/2024	3,380 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.0%	**-3.4%**	**-**

DT thuần *Q3/24*
238 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.00| -2.7%
YoY: ▲ 10.0| 4.2%

LN thuần *Q3/24*
-22.8 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼13.1| -136%
YoY: ▼7.50| -49.2%

LN sau thuế *Q3/24*
-20.0 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼12.1| -153%
YoY: ▼4.90| -32.5%

Tỷ suất lãi EBIT *Q3/24*
-5.8%
YoY: +/-▼ 4.8%

ROE (TTM) *Q3/24*
-9.5%
YoY: +/-▼ 1.6%

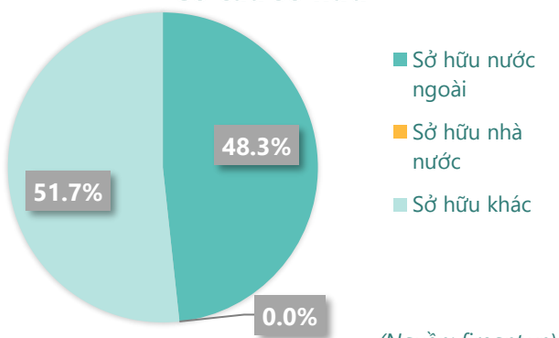
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,050 - 3,980
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
Số lượng CPLH (CP)	45,425,142
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,065
Sở hữu nước ngoài	48.3%
Beta	0.07
EPS	-859
P/E	-3.9

DT thuần *9T 2024*
650 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼37.0| -5.3%

LN thuần *9T 2024*
-50.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼26.8| -112%

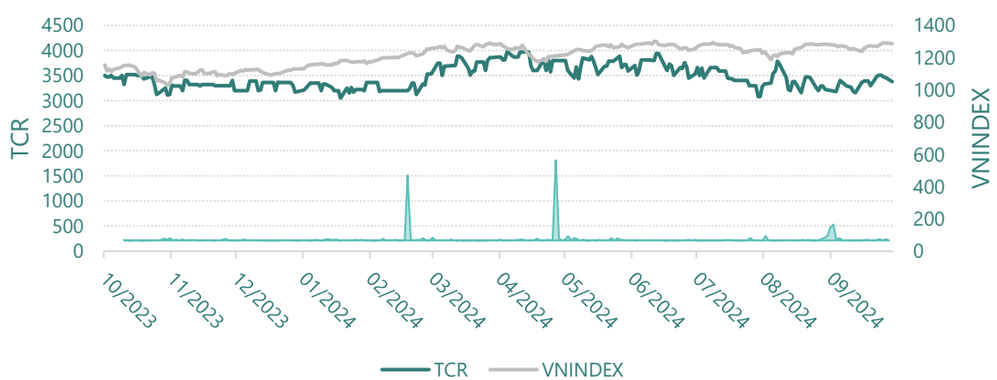
LN sau thuế *9T 2024*
-45.7 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼22.7| -98.8%

Cơ cấu sở hữu

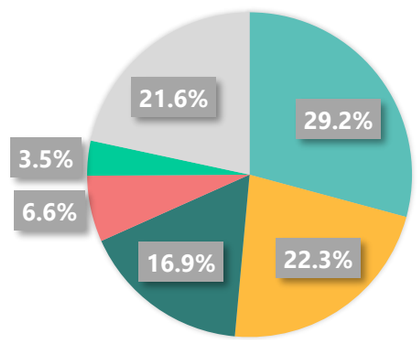


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

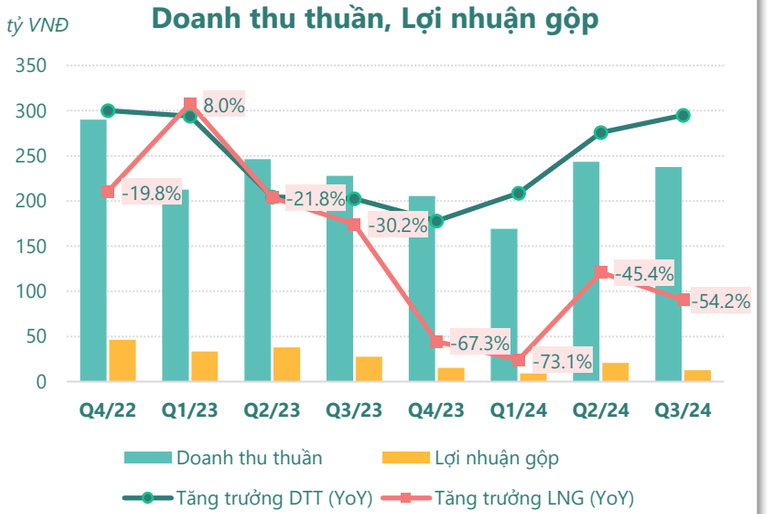


- Union Time Enterprise Ltd
- Sun Talent Limited
- Chamstar Business Corporation
- Tcrown Co., Ltd
- Chen Sin Siang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

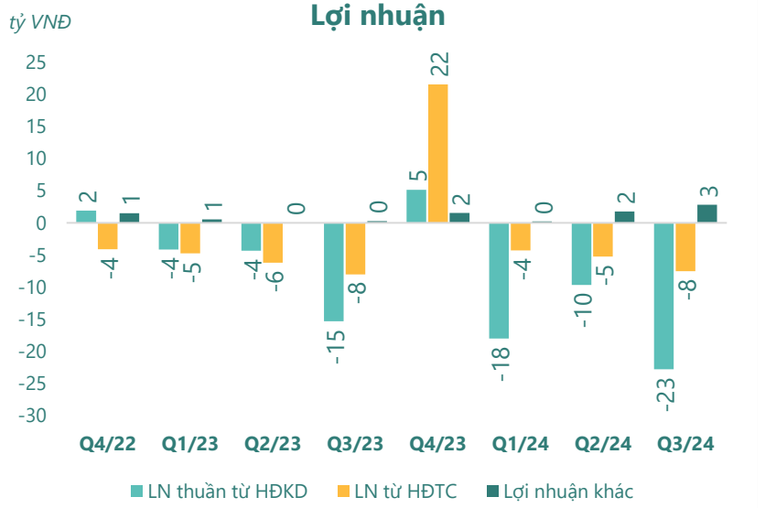
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



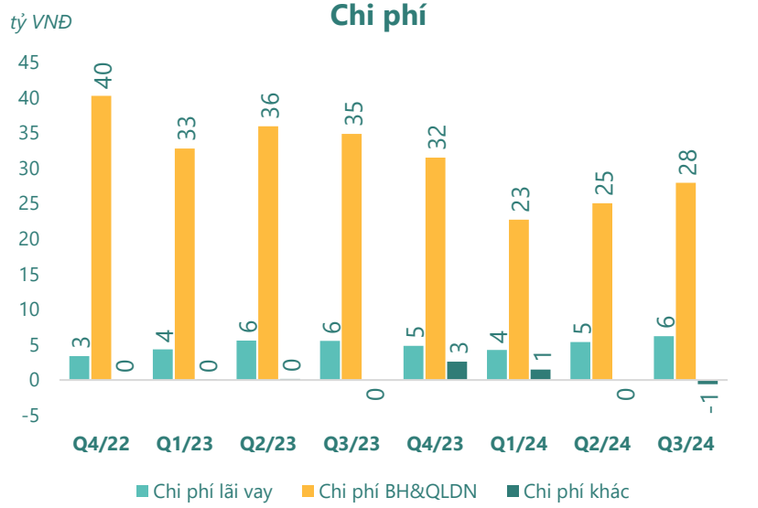
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



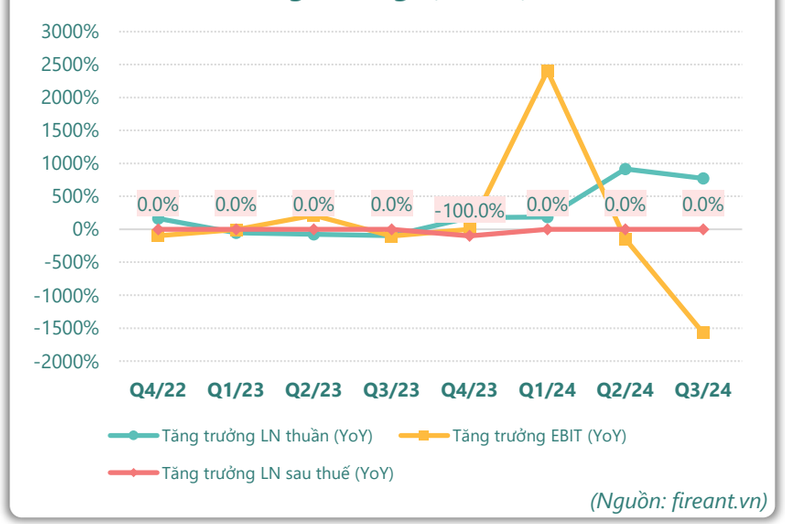
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



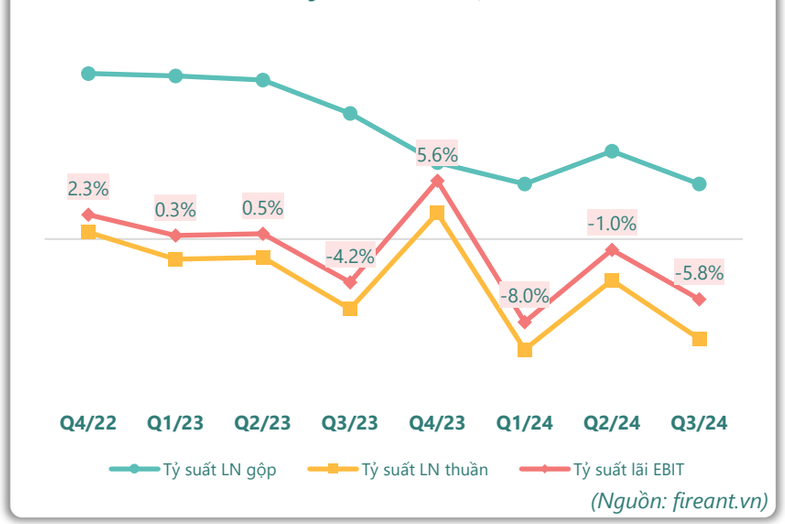
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



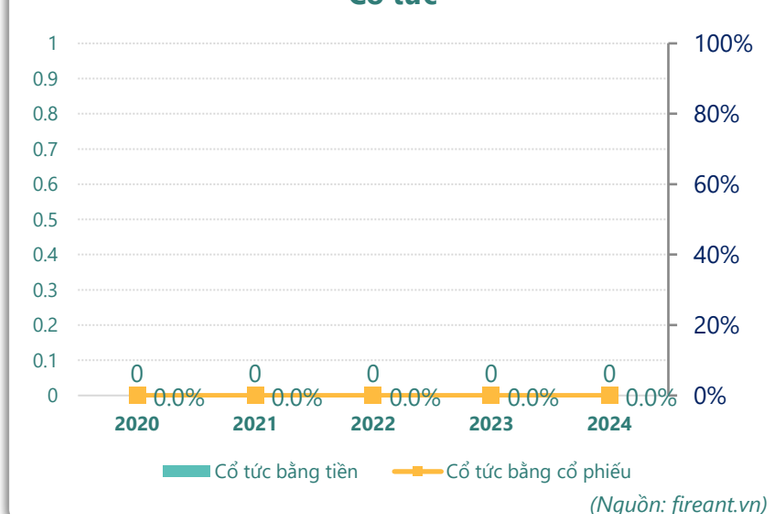
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

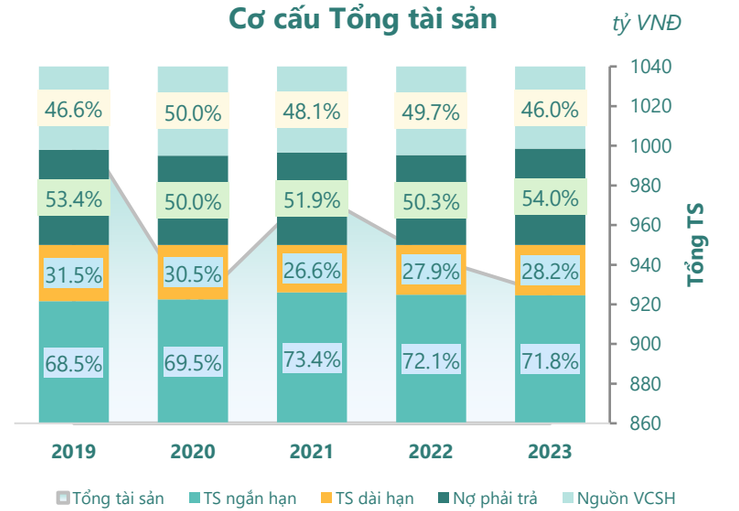
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

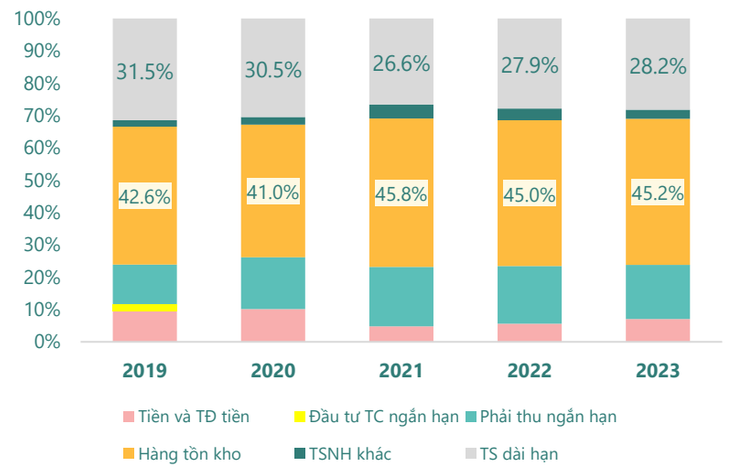
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



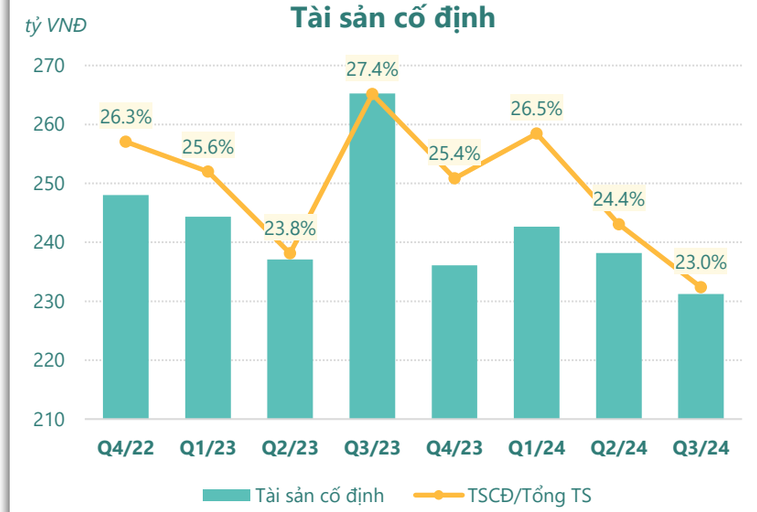
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



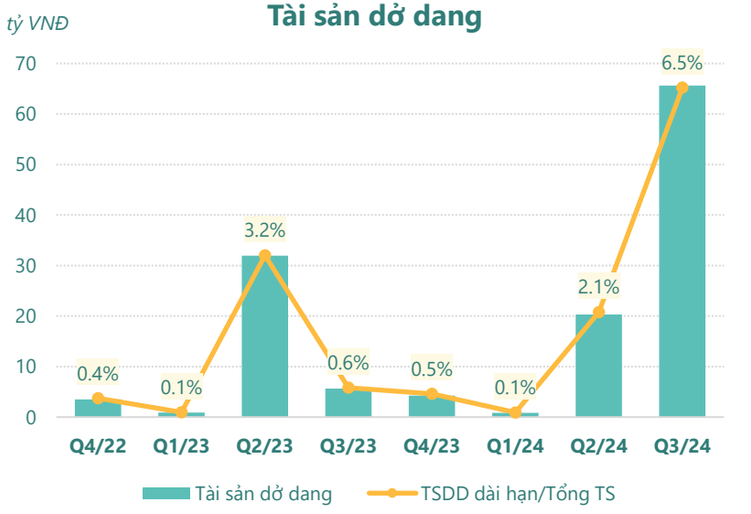
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



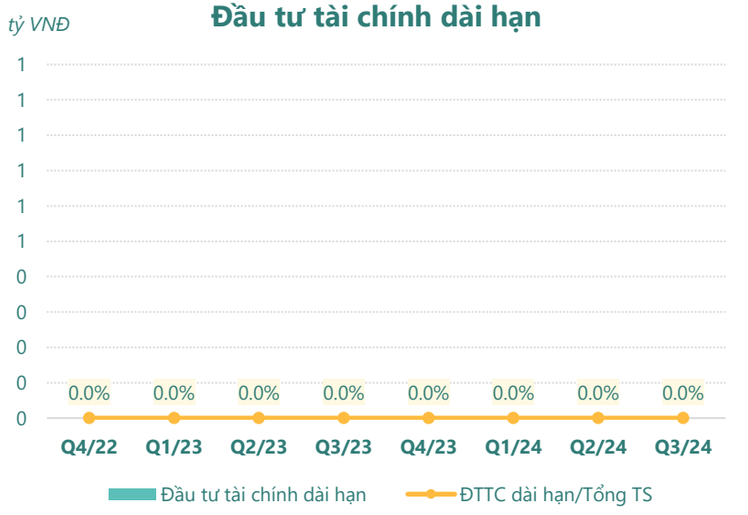
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



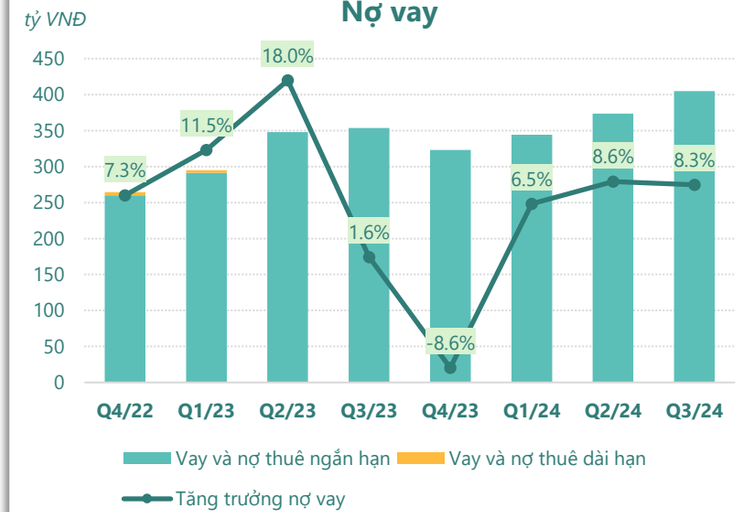
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

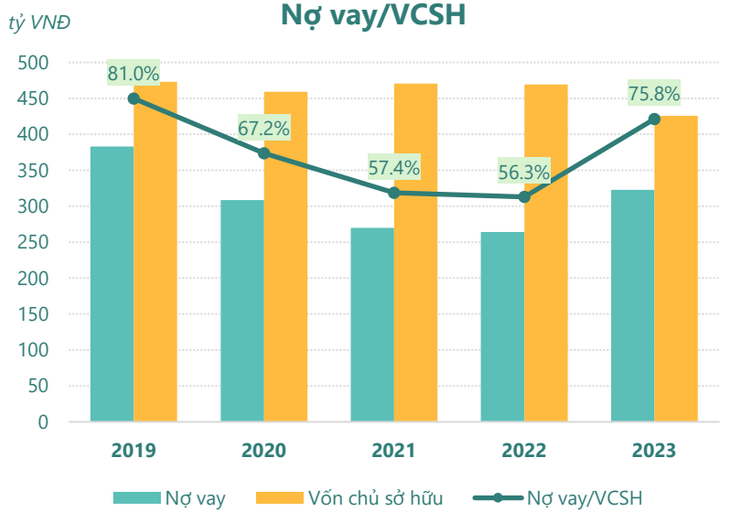
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

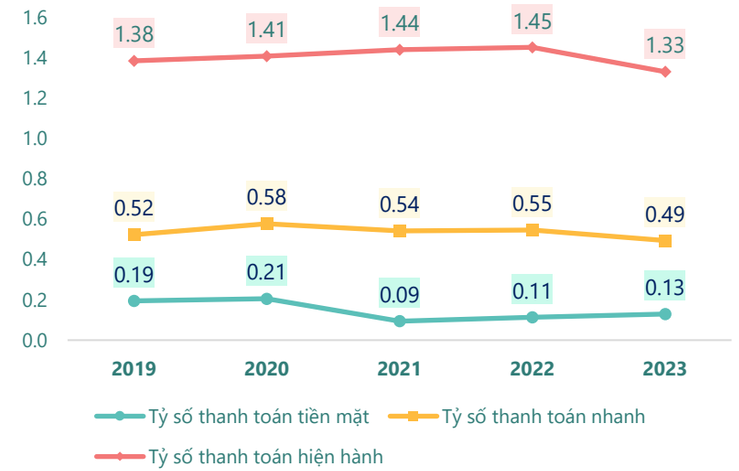
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



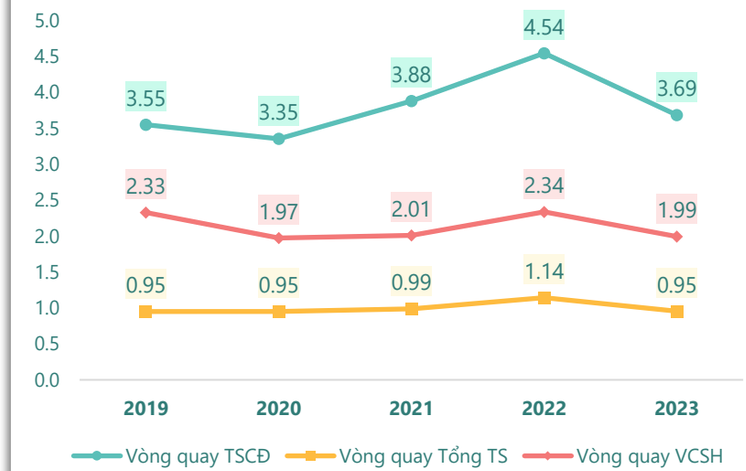
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



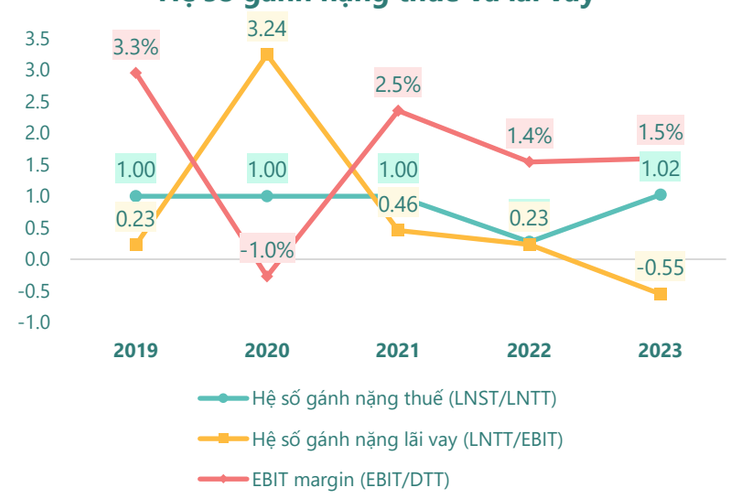
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



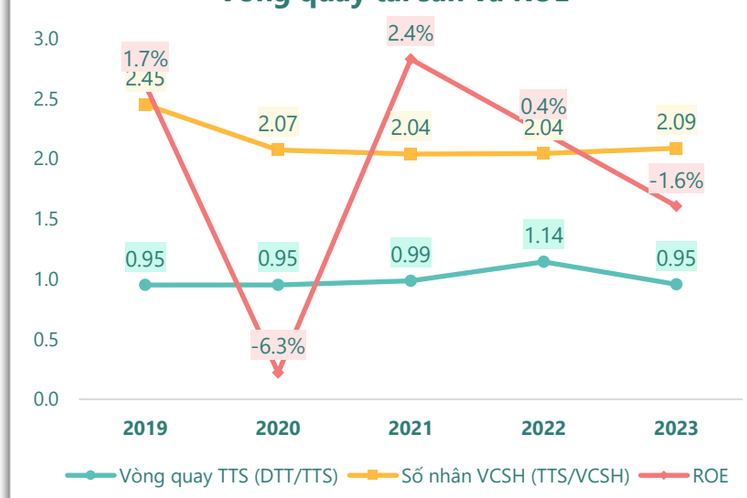
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



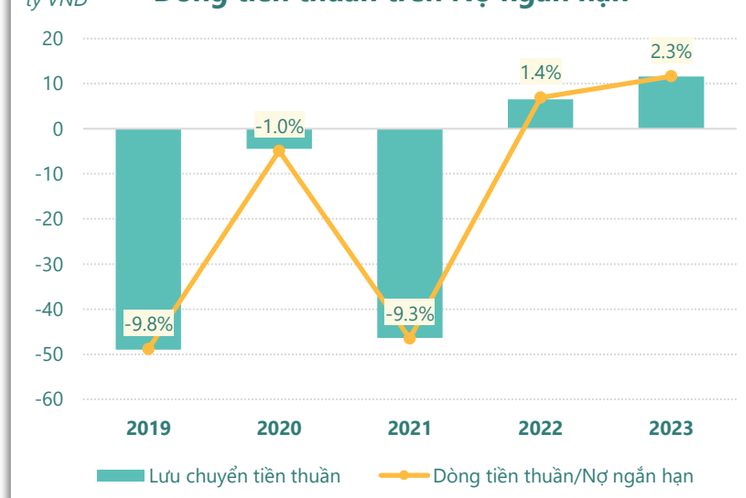
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**238**	**228**	**4.2%**	**650**	**687**	**-5.3%**
Giá vốn hàng bán	225	200	12.4%	608	588	3.4%
Lợi nhuận gộp	12.6	27.6	-54.2%	42.3	98.8	-57.2%
Doanh thu HĐTC	2.22	3.06	-27.6%	6.78	5.34	27.0%
Chi phí TC	9.73	11.1	-12.3%	23.8	24.3	-1.9%
Chi phí lãi vay	6.22	5.53	12.5%	15.8	15.4	2.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.4	23.9	-18.8%	49.9	70.3	-29.0%
Chi phí QLDN	**8.55**	**11.0**	**-22.3%**	**25.8**	**33.4**	**-22.7%**
LN thuần từ HĐKD	-22.8	-15.3	-49.2%	-50.6	-23.8	-112%
Lợi nhuận khác	**2.82**	**0.29**	**874%**	**4.83**	**0.83**	**479%**
LN trước thuế	-20.0	-15.1	-32.5%	-45.7	-23.0	-98.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-20.0**	**-15.1**	**-32.5%**	**-45.7**	**-23.0**	**-98.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-20.0**	**-14.8**	**-35.2%**	**-45.7**	**-22.2**	**-106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.9	-0.47	71.3	-47.8	-18.1	25.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.1	-8.72	-9.99	-10.2	-21.6	-45.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	52.5	6.19	-30.6	21.1	29.6	31.1
Tiền đầu kỳ	34.8	37.2	34.4	64.9	28.1	18.0
Lưu chuyển tiền thuần	**2.49**	**-2.99**	**30.7**	**-36.9**	**-10.1**	**10.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	0.20	-0.23	0.04	-0.04	0.00
Tiền cuối kỳ	37.2	34.4	64.9	28.1	18.0	28.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,006**	**925**	**8.8%**
Tài sản ngắn hạn	677	664	2.0%
Tiền và tương đương tiền	28.7	64.9	-55.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	166	156	6.9%
Hàng tồn kho	448	418	7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	34.0	26.0	30.7%
Tài sản dài hạn	**329**	**261**	**26.0%**
Phải thu dài hạn	31.5	20.1	56.1%
Tài sản cố định	231	236	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.6	4.28	1433%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.48**	**0.42**	**12.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	626	499	25.4%
Nợ ngắn hạn	**625**	**499**	**25.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	405	323	25.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	167	138	21.3%
Nợ dài hạn	1.16	0.17	590%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**380**	**426**	**-10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**380**	**426**	**-10.7%**
Vốn điều lệ	454	454	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)